

Số: 1214 /YCBG-BVBT

Bình Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ DỊCH VỤ

Kính gửi: Quý Công ty/Đơn vị có năng lực thẩm định giá

Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Thuận có nhu cầu thẩm định giá gói thầu: Mua sắm vật tư y tế tim mạch can thiệp năm 2025 (đính kèm danh mục chi tiết).

Để có cơ sở xây dựng dự toán; giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp vật tư y tế tim mạch can thiệp năm 2025, Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Thuận đề nghị quý Công ty thẩm định giá quan tâm đến báo giá dịch vụ và thương thảo hợp đồng thực hiện việc thẩm định giá cho gói thầu cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu :

1. Tên đơn vị yêu cầu: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận
2. Địa chỉ: Đường Trường Chinh, phường Phú Tài, Phan Thiết, Bình Thuận.

II. Hồ sơ chào giá gồm:

- Thư giới thiệu nộp Hồ sơ chào giá (có đầy đủ thông tin liên hệ với đơn vị/ nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ).
- Báo giá gửi kèm giấy đăng ký kinh doanh của đơn vị báo giá (bản photo).

III. Hình thức và địa điểm nộp:

- Bản giấy gửi đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Thuận kèm file scan gửi đến địa chỉ email: vanthubvbt@gmail.com
- Điện thoại: 0252.3822733

- Thời hạn tiếp nhận: Từ ngày thông báo đến hết 17 giờ 00 ngày 07/7/2025.
- Hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 07 tháng 7 năm 2025.

IV. Mục đích và tiêu chí lựa chọn thẩm định giá:

1. Mục đích thẩm định giá: Xác định giá làm cơ sở tham khảo lập dự toán theo quy định hiện hành.
2. Tiêu chí lựa chọn tổ chức thẩm định giá:
 - Cơ quan, doanh nghiệp thẩm định giá được lựa chọn phải có tên trong danh sách các doanh nghiệp có đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá tài sản theo thông báo gần nhất của Bộ Tài chính (kèm tài liệu chứng minh).

Trân trọng. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KHTH (đăng trang web bệnh viện);
- Phòng TCKT (đăng trang web Mua sắm công);
- Lưu: VT, TCKT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG MUA SẮM
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Cao Thiện

Danh mục gói thầu: Mua sắm vật tư y tế tim mạch can thiệp năm 2025

(Kèm theo Công văn số 1114/YC.BG-BVBT ngày 27 tháng 6 năm 2025)

ST T	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật/thông số kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
1	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Everolimus	* Phủ thuốc Everolimus. * Chất liệu khung Cobalt-Chromium, phủ lớp tương thích sinh học flouropolymer. * Kích thước : Đường kính 2.25 - 4.0 mm, Chiều dài từ 8 - 48 mm. * Xuất xứ các nước G7 hoặc Châu Âu. * Đạt tiêu chuẩn FDA(Mỹ).		cái	50
2	Giá đỡ (Stent) can thiệp mạch vành phủ thuốc Sirolimus	* Phủ thuốc Sirolimus và polymer tự tiêu. * Khung bằng Cobalt Chromium L605, độ dày $\geq 80\mu\text{m}$ * Có độ nở vượt định mức $\geq 6.25\text{mm}$ * Kích thước: Đường kính: 2.0 - 4.5 mm; Chiều dài: 9 - 50 mm. * Xuất xứ các nước G7 hoặc Châu Âu. * Đạt tiêu chuẩn FDA(Mỹ) hoặc CE (Châu Âu).		cái	50
3	Giá đỡ (Stent) can thiệp mạch vành phủ thuốc Zotarolimus	* Chất liệu Cobalt Chromium , lõi trong bằng chất liệu Platium Irridium. * Phủ thuốc Zotarolimus. * Độ dày thanh chống (Strut $< 100\mu\text{m}$). * Kích thước: Đường kính 2.0-5.0 mm; chiều dài từ 8 - 38 mm. * Khả năng giãn nở vượt trội. Đường kính stent 2.0 - 2.5 mm có thể nong mở rộng tối đa đến 3.5 mm; stent 2.75 - 3.0 mm có thể nong mở rộng tối đa đến 3.5 mm; stent 2.0 - 2.5 mm có thể nong mở rộng tối đa đến 3.5 mm; stent 3.5 - 4.0 mm có thể nong mở rộng tối đa đến 5.0 mm; stent $\geq 4.0\text{ mm}$ có thể nong mở rộng tối đa đến 6.0 mm. Thích hợp cho các tổn thương có sự chênh lệch đầu gần, đầu xa. * Xuất xứ các nước G7 hoặc Châu Âu. * Đạt tiêu chuẩn FDA (Mỹ).		cái	50

ST T	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật/thông số kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
4	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Everolimus	* Phủ thuốc Everolimus ; Có lớp phủ lớp Polymer vĩnh viễn. * Độ dày khung giá đỡ $\leq 85 \mu\text{m}$, . * Kích thước : đường kính 2.0 - 4.0 mm, chiều dài từ 8 - 38 mm. * Khả năng giãn nở vượt trội. Đường kính stent $\geq 3.5 \text{ mm}$ có thể nong mở rộng tối đa đến 5.5 mm. Thích hợp cho các tổn thương có sự chênh lệch đầu gần, đầu xa. * Xuất xứ các nước G7 hoặc Châu Âu. * Đạt tiêu chuẩn FDA(Mỹ)		cái	50
5	Giá đỡ nong mạch vành tẩm thuốc Sirolimus	- Chất liệu: Cobalt Chromium với lớp phủ kép Biolute và ProBio - Phủ thuốc: Sirolimus. Mật độ: $1.4 \mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Loại Polymer: Tự tiêu - Độ dày khung Stent: $60 \mu\text{m}$ (0.0024 inch) - Chiều dài từ: 9mm đến: 40mm - Đường kính từ: 2.25mm đến: 4.0mm - Chứng nhận ISO, CE và FDA và FSC: Switzerland & Australia		cái	40
6	Giá đỡ (Stent) mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus, liều lượng $1.4 \mu\text{g}/\text{mm}^2$ Thuốc được giải phóng hoàn toàn sau 100 ngày Polymer tự tiêu sinh học PLGA 85/15, độ dày lớp phủ: $3-5 \mu\text{m}$ Vật liệu Cobalt Chromium L605, thiết kế 9 đỉnh - 3 kết nối giữa các vòng Độ dày thanh chống: $65 \mu\text{m}$ Đường kính: 2.00 - 5.00 mm Chiều dài: 8 - 48 mm. Chiều dài ống thông: 142 cm Chiều dài lòng ống dây dẫn: 27 cm Bóng làm bằng vật liệu Polyamide bán đáp ứng, thân xa đa lớp Số nếp gấp bóng: 3 cánh đối với $\text{Ø}2.00 - 4.00$, 5 cánh đối với $\text{Ø}4.50 - 5.00$ Biên dạng bằng qua sang thương ≤ 0.02" Áp suất danh định 8 bar, áp suất tối hạn tối đa 19 bar		cái	10

ST T	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật/thông số kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
7	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Chất liệu: Cobalt Chromium L605 Độ dày khung Stent: 60-70 μm Đường kính Stent: 2.0 - 4.5 mm, Chiều dài Stent: 8 - 48mm Phủ thuốc: Sirolimus Hàm lượng thuốc: 1.23-1.28 $\mu\text{g}/\text{mm}^2$ Áp lực: 9-16 atm Bóng: Phần nhô ra < 0.5 mm, Độ dài vai bóng ngắn Mắt cáo: Dạng Hybrid mắt đóng mắt mở. Cơ chế bóng Stent :Bung từ giữa thân Stent.		cái	10
8	Giá đỡ mạch vành chất liệu CoCr phủ thuốc Sirolimus	_ Stent mạch vành chất liệu CoCr phủ thuốc Sirolimus liều lượng 1.4 $\mu\text{g}/\text{mm}^2$, Thành stent mỏng 60 μm trên tất cả các kích cỡ. _ Đường kính : 2.0 - 4.5mm , chiều dài : 8- 48mm.NP : 10 atm, RBP : 16 atm _ Có thể ngưng thuốc kháng tập kết tiểu cầu kép sau 1 tháng được chứng minh bằng nghiên cứu ngẫu nhiên có đối chứng (RCT). _ Sản xuất tại nước thuộc khu vực Châu Âu.		cái	30
9	Stent phủ (có màng bọc graft) dùng cho các mạch máu nhỏ từ 2.5-5.0mm	- Covered stent có lớp màng bọc graft, được chỉ định cho phình, thủng cấp, rách hoặc rò động mạch. - Thiết kế khung stent CoCr (L605) được bọc bởi 1 lớp graft Micro-porous ePTFE dày $89\pm 25\mu\text{m}$. - Kích thước: đường kính 2.5-5.0 mm, dài 8-24 mm. Chiều dài catheter 143/153cm.Tương thích với ống thông 5F với tất cả các size. -Tiêu chuẩn CE		cái	2

ST T	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật/thông số kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
10	Ống thông chẩn đoán mạch vành các loại JL, JR, AL, AR	Ống thông chẩn đoán mạch vành - Chất liệu Nylon Pebax giúp bề mặt dụng cụ nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, thành ống mỏng. - Loại wire -braided có thân bằng chất liệu thép không gỉ bền giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái - Đầu tip cân quang và có khả năng nhớ hình tốt - Có các loại JL, JR, AL, AR - Đủ các kích cỡ 4F, 5F dài 100cm - Đường kính trong 0.042"/1.07mm loại 4F, 0.046"/1.17mm loại 5F - Dùng được với guide wire 0.038" - Chịu áp lực dòng chảy cao 1,200 psi/ 81.6 bar Hạn dùng 3 năm Đạt tiêu chuẩn FDA.		cái	400
11	Ống thông chẩn đoán mạch vành loại (Multipurpose)	Ống thông chẩn đoán mạch vành đa chức năng Multi Purpose - Chất liệu Nylon Pebax giúp bề mặt dụng cụ nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, chống gãy gập tốt, thành ống mỏng. - Có đường viền bền giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái. - Đầu tip cân quang tốt, khả năng nhớ hình tốt. - Có các loại Multi A1, Multi A2. - Loại có lỗ bên hoặc không có lỗ bên - Đủ các kích cỡ 4F, 5F dài 80cm, 100cm - Đường kính trong 0.042"/1.07mm loại 4F, 0.046"/1.17mm loại 5F - Dùng được với guide wire 0.038" - Chịu áp lực 1200 PSI. Đạt tiêu chuẩn FDA.		cái	10

ST T	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật/thông số kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
12	Ống thông chẩn đoán mạch vành loại pigtail	Ống thông chẩn đoán mạch vành dạng đuôi heo - Chất liệu Nylon Pebax nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, thành ống mỏng. - Có đường viền bên giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái, - Đầu tip cản quang tốt, khả năng nhớ hình tốt. - Đủ các kích cỡ 4F, 5F dài 80cm, 90cm, 110cm - Có các kiểu đầu: pigtail thẳng hoặc pigtail cong 145° (tùy mã sản phẩm) - Dùng được với guide wire 0.038" - Chịu áp lực 1200 PSI (81.6 Bar) Đạt tiêu chuẩn FDA.		cái	20
13	Ống thông chẩn đoán mạch vành	Cấu tạo: 3 lớp - Lớp trong và lớp ngoài là Nylon rich Polyurethan. - Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ (SUS) (32 sợi) - Kích thước: đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm), dạng JR, JL, AL... Chiều dài 100cm. - Thành ống mỏng cho đường kính trong rộng. Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 4Fr: 750psi, 5Fr: 1000psi.		cái	200
14	Ống thông chụp chẩn đoán qua mạch quay đa năng trái phải	- Cấu tạo: thiết kế theo công nghệ sợi bên kép (double-wire braiding tech), đoạn đầu xa không bên, tiếp theo là đoạn được bên dày và bên thưa hơn ở đoạn gần. - Vật liệu thành ống: các loại Polyamide khác nhau trong cấu trúc ống 2 lớp - Hình dạng đầu cho can thiệp qua đường quay: Brachial Type (Tiger) - Thành ống mỏng, lòng ống rộng cho tốc độ dòng chảy tối đa 23mL/ giây (cỡ 5Fr). Áp lực tối đa 1,200 psi (8.247kPa) - Tương thích guidewire 0.038" - Đường kính 5Fr (lòng rộng 1.20mm), chiều dài 100cm - 120cm.		cái	200

ST T	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật/thông số kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
15	Ống thông trợ giúp can thiệp đầu mềm	Cấu tạo: lớp trong bằng PTFE, ở giữa là lớp lưới thép không gỉ phẳng được bện cường độ cao, lớp vỏ ngoài mềm mại và có tính cản quang cao ở đoạn xa. Đặc điểm: kết cấu vật liệu nổi bật bao gồm 5 đến 6 vùng, mỗi vùng được làm từ các vật liệu có độ cứng khác nhau (Công nghệ ZONE). - Hình dạng kiểu BL, JR, JL, MP, AL, Ikari - Kích thước: cỡ 5F có đường kính trong 0.059", cỡ 6F có đường kính trong 0.071", cỡ 7F có đường kính trong 0.081". Chiều dài 100cm.		cái	100
16	Ống thông can thiệp động mạch vành các cỡ, các loại : EBU, RBU, IMA, SAL, SL, AL, JR..... Launcher guiding catheter các cỡ	- Chất liệu lõi là các sợi kim loại dệt được kết nang polymer. Lòng ống thông rộng 0.058" - 0.071" - 0.081". Có dạng cong đặc biệt EBU, có loại có lỗ bên. - Có kích thước từ 5-8Fr, chiều dài 100cm và 90cm. - Tiêu chuẩn ISO, FDA		cái	50
17	Ống thông can thiệp động mạch vành loại cứng, đầu cong dạng: AL, CLS, FL, JL, KL, LBU, QC, VL, ART, AR, FR, HS, JR, KR, MP, RC, WRP, Brachial, Kimny, MIM, Radial, IMC, IM, LCB, RCB, ML, FCL, FCR, ...	Ống thông can thiệp mạch vành loại cứng có sợi đan 2x4. Loại 6F có Lumen rộng 0.070". Đầu các dạng đầu cong		cái	150

ST T	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật/thông số kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
18	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành	1. Dùng để hỗ trợ đưa các dụng cụ can thiệp mạch vành đến các tổn thương khó tiếp cận 2. Dụng cụ gồm : một đầu tip, trục xa, trục bảo vệ gần được làm bằng dây thép 3. Độ dài ống thông 145cm, bao lớp thân nước, đường kính trong 1.33mm, độ dài trục đoạn xa 25cm, đánh dấu tại vị trí 900mm và 1000mm so với đầu tip, phù hợp với ống thông can thiệp 6F 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE		cái	10
19	Vi ống thông (micro-catheter) các loại, các cỡ	- Corsair Pro có thiết kế ống Shinka: lõi ống được bện từ 10 dây dẫn bằng thép không gỉ giúp thao tác vừa xoay vừa đẩy. Có bảo vệ hình xoắn ốc tăng tính chống xoắn giúp bảo vệ thân ống. Đầu tip thuôn mềm, đường kính 1.3F Đường kính ngoài (prox/ distal): 2.8, 2.6 F. Chiều dài khả dụng: 135, 150 cm - Corsair Pro XS Thiết kế trục mới với lõi ống được bện từ 14 dây dẫn bằng thép không gỉ và đầu tip linh hoạt tạo điều kiện tiếp cận từ xa trong quá trình tiếp cận ngược dòng. Có bảo vệ hình xoắn ốc tăng tính chống xoắn giúp bảo vệ thân ống. Đường kính ngoài (tip/ prox): 1.3/ 2.1 F. Lớp phủ hydrophilic tính từ đầu tip: 700 mm (dây 135cm)/ 850 mm (dây 150 cm). Chiều dài khả dụng: 135, 150 cm Chứng nhận chất lượng: ISO, CE.		cái	5

ST T	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật/thông số kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
20	Bộ dụng cụ hút huyết khối	Một bộ gồm: * 1 ống thông (catheter) hút huyết khối: + Đường kính 6F hoặc 7F. + Chiều dài ≥ 145 cm. + Lớp phủ ái nước ở phần xa của ống thông ≥ 25 cm. * 1 dây thăm dò cứng. * 1 ống tiêm hút 60ml. * 2 giỏ lọc. * 1 dây nối van khóa vòi 1 hướng. * Dây thăm dò dài ≥ 125 cm. * Xuất xứ các nước G7 hoặc Châu Âu. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).		bộ	20
21	Dây dẫn can thiệp mạch vành	* Đường kính: 0,014 inch (0,36mm). * Chiều dài dây dẫn ≤ 200 cm. Chiều dài phần đầu cân quang: 3 cm. * Vật liệu phần lõi: ELASTINITE NITINOL * Độ cứng đầu dây dẫn (Tipload) ≤ 1 g. * Xuất xứ các nước G7 hoặc Châu Âu. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).		cái	50
22	Dây dẫn can thiệp mạch vành	Lõi DURASTEEL phủ lớp Full Polymer và lớp ái nước hydrophylic Lõi hình parabol không điểm chuyển tiếp RESPONSEASE Thiết kế đầu tip: Core-to-Tip Chiều dài dây dẫn: 190 cm, Tip load: 1.5 g Lõi Radiopaque dài 3cm Có điểm đánh dấu Gold Maker cách đầu tip 4.5cm. Đạt tiêu chuẩn FDA.		cái	15

ST T	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật/thông số kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
23	Dây dẫn can thiệp mạch vành	* Đường kính: 0,014 inch (0,36mm). * Chiều dài dây ≤ 200 cm. Chiều dài phần đầu cân quang: 3 cm. * Phần lõi: Nickel - Titanium. Đoạn đầu của lớp cuộn: hợp kim bạch kim (Platinum). Đoạn sau của lớp cuộn : thép không gỉ (stainless). * Độ cứng đầu dây dẫn (Tipload) ≤ 1 g. * Xuất xứ các nước G7 hoặc Châu Âu. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).		cái	300
24	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	Dây dẫn đa lõi theo công nghệ ACT ONE (thiết kế vòng xoắn kép) tăng độ bền đầu tip, khả năng phản hồi momen xoắn và chống giứt. Dây dẫn đơn lõi one-piece core. Tip load từ 0.3 - 12 gf hỗ trợ rất tốt cho các trường hợp can thiệp CTO. Lớp phủ: silicon, SLIP-COAT hoặc SLIP-COAT trên nền polymer. Đầu tip: straight, J, pre-shape. Chiều dài: 180, 190, 300 cm Chứng nhận chất lượng: ISO, CE.		cái	10
25	Radifocus Guide Wire M (dài 150 cm) Dây dẫn đường lõi nitinol, lớp ngoài polyurethane với hỗn hợp tungsten, phủ lớp ái nước M coat, dài 150cm	Cấu tạo: - Lõi là hợp kim Nitinol siêu đàn hồi. - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cân quang bằng lớp Tungsten. - Lớp phủ ái nước hydrophilic M Coat. Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong hoặc hình chữ J (Straight, Angled, J-Curve) Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 150 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.025", 0.035", 0.038"		cái	150

ST T	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật/thông số kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
26	Dây dẫn chuẩn đoán mạch vành lõi thép không gỉ với công nghệ phủ PTFE(pre-coating) dài 150 cm và 260 cm.	Dây dẫn chẩn đoán - Lõi làm bằng thép không gỉ dùng trong thủ thuật chẩn đoán. - Công nghệ phủ PTFE (pre-coating) - Flush Hoop: thiết kế cải tiến, đơn giản hoá việc xả dây - Đầu dây dạng chữ J: 3 mm. - Kích cỡ 0.035" dài 150cm và 260cm. Đạt tiêu chuẩn FDA.		cái	350
27	Dây dẫn can thiệp cứng 0.035, dài 180cm-360cm	0.035" guide wire with tip-length of 5cm and with straight 3mm-J-Tip or 6mm J-Tip configuration. The length varies from 180cm to 360cm. In addition the tip visibility will allow a safe position of the wire thus keeping control during the procedure.		cái	5
28	Dụng cụ bắt dị vật 1 vòng	Thiết kế 1 vòng để gia tăng khả năng bắt dị vật. - Vòng Snare được phủ vàng trên nền Nitinol làm gia tăng khả năng cản quang, vật liệu Nitinol nhớ hình và đàn hồi tốt tránh tổn thương mạch máu nhiều nhất. - Vòng Snare được thiết kế 90° giúp bắt dị vật chính xác - Có dải band marker cản quang giúp xác định thiết bị một cách chính xác - Có thể dùng với catheter 6F - Kích cỡ của vòng từ 20, 30 và 35 mm (tùy mã sản phẩm) - Chiều dài: 48 cm, 100 cm - Chiều dài của snare: 120 cm - Hạn dùng 3 năm. Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc Châu Âu		cái	2

ST T	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật/thông số kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
29	Dụng cụ bắt dị vật 3 vòng	Dụng cụ bắt dị vật kích thước lớn - Ba dây cáp bằng Nitinol của En Snare xoắn lại với nhau - Có một dải Platinum liên kết chặt với các loop để tăng tính nhận biết - Dây Nitinol siêu đàn hồi có đặc tính là mềm dẻo, có độ chịu xoắn tốt, và độ xoắn được kiểm soát 1:1. - Có dải band marker cân quang giúp xác định thiết bị một cách chính xác. - Kích thước làm việc: 6-10mm, 9-15mm, 12-20mm, 18-30mm, 27-45mm - Chiều dài catheter: 100cm - Chiều dài của snare: 120 cm		cái	2
30	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay	Dụng cụ mở đường quay (sheath Introducer) 4F, 5F, 6F - Chất liệu polyethylene - Hemostasis valve ngăn chặn máu rò rỉ - Kích cỡ 4F, 5F, 6F; chiều dài 7 cm hoặc 11 cm (tùy mã các sản phẩm) - Có Guidewire kèm theo bằng thép không gỉ, có đầu cong hình J, đường kính 0.018", chiều dài từ 40cm - Có kèm theo kim chọc mạch 21Gx4cm, có khóa 3 ngã - Có Rotating Suture Ring xoay quanh thiết bị bề mặt nhẵn, độ mở lớn. Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc Châu Âu		bộ	100

ST T	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật/thông số kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
31	Dụng cụ mở đường vào động mạch, dài 7cm - 10cm	Cấu tạo gồm: - Kim chọc mạch cỡ 18G hoặc 20G - Mini plastic guide wire cỡ 0.025", 0.035", dài 45cm - Bơm tiêm 2.5ml - Introducer sheath - Dilator (que nong) Đặc điểm: - Van cầm máu kiểu "Cross-Cut" - Kích thước: cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F, dài 7cm, 10cm - Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene)		cái	400
32	Dụng cụ mở đường vào động mạch có van cầm máu kiểu Cross-cut, dài 25cm	Cấu tạo gồm: - Mini plastic guide wire cỡ 0.035" hoặc 0.038", dài 80cm - Introducer sheath - Dilator (que nong) Đặc điểm: - Van cầm máu kiểu "Cross-Cut" - Kích thước: cỡ 5F, 6F, 7F dài 25cm - Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene)		cái	20
33	Kim chọc dò các loại, các cỡ kim động mạch đùi	Kim chọc mạch đùi, vật liệu bằng thép không gỉ, nhiều kích cỡ 18G-21G, chiều dài 40mm - 90mm, đạt tiêu chuẩn châu âu hoặc châu mỹ		cái	200

ST T	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật/thông số kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
34	Kim luồn không cánh 20G	Được làm từ nhựa y tế nên thành ống (catheter) mỏng và đủ độ cứng cũng như độ đàn hồi giúp ôm chặt vào kim thép không rỉ. Mũi kim thiết kế được cắt vát, sắc nhọn, giảm thiểu đau. Chuôi kim trong suốt dễ dàng quan sát thấy máu chảy ra. Có tấm vi lọc ở đốc kim. Có sẵn nắp dạng xoay để nắp kín vào catheter sau khi rút kim thép ra. Có đầu bảo vệ an toàn bịt mũi kim thép sau khi rút kim ra khỏi nòng catheter. Kim luồn có cánh thuận tiện để cố định kim. Kim luồn tĩnh mạch đạt tiêu chuẩn: ISO 9001:2003/NS, EN ISO 13485:2012, CE, WHO – GMP Không chất DEHP. Tiệt trùng bằng khí EO, không độc, không gây sốt. Size: 18G		cái	800
35	Bóng nong động mạch vành không đàn hồi	- Bóng có cấu trúc 3 lớp: lớp giữa là polyamide, lớp trong và lớp ngoài là elastomer - Vai bóng ngắn 3.0mm, để thực hiện kỹ thuật POT - Áp lực định mức: 12atm - 22atm - Entry profile < 0.44mm - Lớp phủ ái nước Hydrophilic Kích thước: - Đường kính 2.0mm - 5.0mm. - Chiều dài 5 - 30mm		cái	150

ST T	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật/thông số kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
36	Bóng nong mạch vành đàn hồi	- Chất liệu Polyamide. - Entry profile: <0.42mm. Đầu tip làm bằng vật liệu Elastomer - Crossing Profile: 0.58mm - Đoạn xa được phủ lớp áo nước M Coat -Đoạn kết nối giữa bóng và đầu tip (bonding part) chỉ 0.4mm. -Điểm đánh dấu cản quang dài 0.8mm và dày 25µm Kích thước bóng: Đường kính: 1.0mm - 4.0mm. Chiều dài 5mm - 40mm		cái	200
37	Bóng nong mạch vành đàn hồi	- Chất liệu: Polyamide - Tráng phủ Hydrophilic thế hệ mới → Giúp bóng di chuyển dễ dàng qua những tổn thương phức tạp, đặc biệt trong CTO. - Khẩu kính đầu xa (entry profile)< 0.42mm - Khẩu kính bóng (crossing profile): 0.63mm - Đường kính: 1.2 - 3.5mm, chiều dài 10 -30 mm		cái	200
38	Bóng nong mạch vành siêu áp lực	Dùng trong các trường hợp nong lại tổn thương bị vôi hóa nặng. RBP 35 atm. Cấu trúc bóng kép (2 lớp) có độ đàn hồi tuyến tính, 2 marker Platinum. Khẩu kính đầu vào sang thương 0.016". Khẩu kính băng qua sang thương 0.028". Tương thích ống thông can thiệp tối thiểu 6F đối với đường kính 1.5 - 3.5mm; 7F đối với đường kính 4.0, 4.5mm. Đường kính 1.5 - 4.0; dài 10 - 20mm.		cái	5
39	Bóng nong mạch vành không đàn hồi	* Khẩu kính đầu xa ≤ 0.41 mm. * Chất liệu: Polyamide có phủ lớp phủ áo nước.. * Đường kính bóng: 2.0 - 5.0 mm; Chiều dài bóng: 6 - 25 mm. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).		cái	150
40	Dây nối áp lực cao, dài 30cm	Chất liệu polyurethane. - Chịu được áp lực đến 1200 psi (84 BAR) - Dài 30cm		cái	300

ST T	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật/thông số kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
41	Dây nối chụp buồng thất, dài 120cm	Chất liệu polyurethane. - Chịu được áp lực đến 1200 psi (84 BAR) - Dài 120cm		cái	20
42	Dây nối áp lực cao USMTM loại PU dài 30cm, 50cm, 100cm, 120cm, 150cm	Dây nối áp lực cao 1200psi, vật liệu PU cao cấp có bền xoắn, độ dài từ 156cm đến 250cm. Adaptor xoay được, dây trong suốt, dễ quan sát bằng mắt thường. Đường kính trong: 1 - 5 mm. Đầu nối hình côn (Luer) phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 80369-7:2016. Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, GMP FDA.		cái	300
43	Bộ manifold 3 cổng	* Bộ manifold bao gồm: manifold 3 cổng có màu, dây theo dõi áp lực, dây truyền dịch, dây truyền thuốc cân quang. * Manifold chất liệu polycarbonate, có van 1 chiều ở cổng bơm thuốc cân quang nhằm hạn chế bọt khí và sự lây nhiễm chéo.		bộ	100
44	Bộ kết nối (Manifold)	* Chất liệu Poly Carbonate. * Đường kính trong 2,3mm - 2,4 mm. * Có khóa xoay và đầu xoay đuôi khí. * Có 3 cổng. * Chịu áp lực từ 200 - 500 PSI. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).		bộ	300
45	KIMAL Flush device 3ml/giờ	- Đầu male rotate - Khóa vặn OFF, áp lực 250 psi - Tốc độ 3ml/h.		cái	50
46	Khóa 3 ngã, vật liệu Polycarbonate (chịu áp lực 200 -1050 PSI, đường kính trong 0.12"	Chất liệu Poly Carbonate. Đường kính trong 0.12" (2.5 mm) có 3 ngã phù hợp với các mục đích sử dụng khác nhau. - Chịu áp lực từ 200-1050 PSI. - Hạn sử dụng 3 năm		cái	50

ST T	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật/thông số kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
47	Dome sterile			cái	50
48	Combifix	bộ nối male to male, female/female, Luer female/Rekord male		cái	50
49	Discofix	Khoá 3 ngã		cái	50
50	Đầu nối Kimal Male/male connector.	Đầu nối male/male-KIMAL Male/male luerlock connector. - Chất liệu: Polycarbonate. - Đầu nối linh hoạt chống xoắn dây khi nối.		cái	50
51	Bơm tiêm 10 ml vật liệu làm bằng nhựa polycarbonate có đầu xoáy (luer)	Bơm tiêm 10ml - Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu - Vật liệu làm bằng Polycarbonate chịu áp lực tốt dễ dàng nhận thấy dòng chảy và bọt khí bên trong - Có đầu xoáy luer loại Fixed Male hoặc Slip Đạt tiêu chuẩn FDA.		cái	300
52	Luer lock (10ml Syringe)	Bơm tiêm 10ml. Đạt tiêu chuẩn : Đạt tiêu chuẩn FDA/CE/ISO - Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu		cái	400
53	Bộ dụng cụ bơm bóng áp lực cao	* Dung tích 20 ml. Áp lực tối đa ≥ 30 atm * Vật liệu làm bằng Polycarbonate. * Phụ kiện kèm theo: Van cầm máu, dụng cụ Insertion, torque, khóa 3 ngã. * Bơm bóng áp lực cao có đính sẵn dây dài ≥ 200 mm. * Xuất xứ các nước G7 hoặc Châu Âu. * Tiêu chuẩn CE(Châu Âu) hoặc FDA(Mỹ).		bộ	300

ST T	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật/thông số kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
54	Van cầm máu dạng chữ Y loại đóng mở bằng lò xo, và van kép chất liệu Polycarbonate	Van cầm máu (Y connector) - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, ISO, CE - Chất liệu Polycarbonate - Loại đóng mở bằng lò xo, có van kép. Có kèm insertion tool bằng kim loại và torque điều khiển dây dẫn 0.014" - Đường kính trong 0.096" (2.44 mm) - Hạn dùng 3 năm.		cái	300
55	Băng đóng lòng mạch quay	Băng đóng lòng mạch quay, phần thân trong suốt, chiều dài có thể thay đổi từ 18cm, 22cm, 26cm, đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016; EN ISO 9001:2015; GMP-FDA		cái	50
56	Áo choàng phẫu thuật	Áo choàng phẫu thuật bao gồm các thành phần chính: áo choàng phẫu thuật và khăn thấm. 01 áo choàng phẫu thuật kích thước: (123 x 150) cm (dài x rộng), vùng tăng cường: 40 x 59 cm. Áo choàng phẫu thuật tiêu chuẩn, thiết kế tổng thể làm từ vật liệu SMS tính kháng thấm ngăn ngừa tích tụ vi khuẩn, có vùng tăng cường ở giữa làm từ vật liệu PE cán lớp SS độ thấm hút cao, giúp thấm hút tốt mồ hôi, tạo cảm giác thông thoáng thoải mái khi mặc đồng thời tăng cường ngăn cản dịch, máu thấm qua tại vị trí dễ tiếp xúc nhất, cổ tay bằng vải thun mềm mại chắc chắn giúp người mặc vận động thoải mái. 02 khăn thấm (40 x 40 cm) làm từ vật liệu spunlace có độ thấm hút cao, sử dụng trong trường hợp cần thấm hút nhanh dịch tiết, máu hay các loại chất lỏng khác. Tiệt trùng: Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016 và GMP-FDA		cái	600

ST T	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật/thông số kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
57	Áo phẫu thuật các cỡ	Làm từ vải không dệt 6 lớp SMMMMS 47gsm không thấm cồn, không thấm nước, chống tĩnh điện gồm: 2 x Khăn thấm 30x40cm, 1 x Áo phẫu thuật L và 1 x Vải gói 60x60cm. Tiệt trùng bằng khí EO. - Sản phẩm có giấy phép lưu hành, ISO13485:2016 (TCVN ISO 13485:2017), CE. Tiệt trùng EO.		cái	600
58	Bộ khăn chụp mạch vành 3 lỗ MELISA	Bộ sàng (khăn) chụp mạch vành 3 lỗ gồm: - Sàng chụp mạch vành SM/ PE/ SPP, kích thước: 370 x 220 cm: 01 cái. - Tấm phủ đa dụng PE kích thước: 150 x 140 cm: 01 cái. - Khăn trải bàn dụng cụ PE / SPP, kích thước 200 x 140 cm: 01 cái. - Bao chụp đầu đèn PE 01 cái. - Bao kính chắn chì PE, kích thước 90 x 75 cm: 01 cái. - Bao dụng Remote PE, kích thước 26 x 10 cm: 01 cái. - Khăn thấm vải không dệt, kích thước 40 x 40 cm: 04 cái. - Tấm phủ chắn chì PE kích thước 150 x 140 cm: 01 cái. - Đóng gói bằng túi tyvek, Độ bền mối hàn bao gói: $\geq 1,2 \text{ N} / 15 \text{ mm}$ - Chứng nhận: ISO; GMP- FDA - Tiệt trùng: Ethylene oxide (EO) với tồn dư EO: $\leq 4 \text{ mg} / \text{sản phẩm}$		bộ	200

ST T	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật/thông số kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
59	Bộ khăn chụp mạch vành A	Làm từ vải không dệt 6 lớp SMMMMS 47gsm không thấm cồn, không thấm nước, chống tĩnh điện gồm: 4 x Khăn thấm 30x40cm 1 x Khăn phủ bàn dụng cụ vô trùng 150x180cm (Tấm nilon trong) 1 x Tấm phủ chắn chì 140x150cm 1 x Bao kính chắn chì, có thun 75x100cm 1 x Bao chụp đầu đèn phi 65cm 1 x Khăn lót 50x60cm 1 x Bao đựng Remote 1 x Khăn chụp mạch vành 3 lỗ 240x390cm 1 x Khăn trải bàn dụng cụ 200x260cm Sản phẩm có giấy phép lưu hành, được sản xuất theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, CE, EN 13795-1:2019. Tiệt trùng EO.		bộ	200
60	Alcohol pad	Gạc tẩm cồn;100 miếng/Hộp		hộp	50
61	Gạc phẫu thuật	10cm x10cm x 10 lớp; gói		gói	1000
62	Găng phẫu thuật loại dùng cho phòng mổ	Powder free		đôi	1500
63	Pressure inflation bag	túi		túi	10
64	Opsite	miếng		miếng	30
65	Băng thun có keo các cỡ 8cm x 4,5m;	Băng bằng cotton co giãn, keo là oxýt kẽm không dùng dung môi, có lớp giấy lót bảo vệ.		cuộn	100
66	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn			cái	30

ST T	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật/thông số kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
67	Dây truyền dịch (công nước và cản quang)			cái	1000
68	Dây nối áp lực (dây truyền dịch bơm tiêm tự động)			cái	500
69	Miếng dán cố định kim luồn IV advanced	Băng phim trong vô trùng không thấm nước 3M™ Tegaderm™ I.V (3M™ Tegaderm™ I.V. Advanced Securement Dressing) có thể được sử dụng để phủ và bảo vệ các catheter, các vết thương nhỏ và để bảo vệ các thiết bị trên da. Không sử dụng băng phim 3M™ Tegaderm™ I.V. như là một phương pháp thay thế cho các phương pháp đóng vết thương.		miếng	500
70	Dụng cụ siêu âm lòng mạch	Bộ dụng cụ siêu âm lòng mạch vành phù hợp với máy siêu âm nội lòng mạch vành hiện có tại bệnh viện (IVUS)		cái	10
71	Bóng nong mạch vành có phủ thuốc	* Thuốc phủ Paclitaxel: 3.0 µg/mm² . * Công nghệ giải phóng thuốc M3i, giải phóng thuốc lên tới 3 lần. * Chất liệu: polyamide, không đàn hồi. * Áp lực trung bình: 12 bar, Áp lực vỡ bóng: từ 18 - 22 bar tùy kích thước bóng. * Khẩu kính đầu xa (entry profile) < 0.41mm. Khẩu kính băng qua tổn thương (Crossing profile) ≤0.95 mm. * Kích thước: Đường kính : 2.5 - 4.50 mm; Chiều dài : 10 - 20 mm. * Xuất xứ các nước G7 hoặc Châu Âu. * Đạt tiêu chuẩn FDA(Mỹ) hoặc CE (Châu Âu)		cái	10